

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

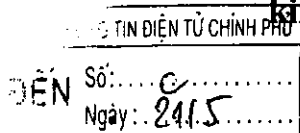
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **17** /2014/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày **15** tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán
kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông do ngân sách
nhà nước cấp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 137/2013/TT-BTC ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông do ngân sách nhà nước cấp;

Theo đề nghị của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

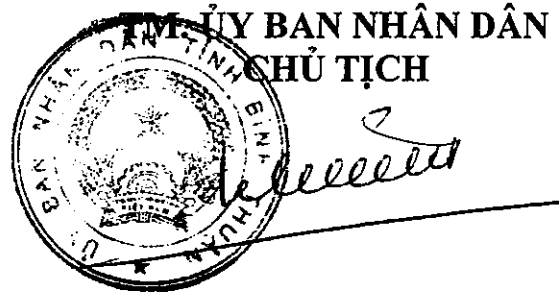
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông do ngân sách nhà nước cấp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 26/2008/QĐ-UBND ngày 13/3/2008 của UBND tỉnh về việc quy định phân phối, quản lý và sử dụng tiền thu phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, Quyết định số 32/2008/QĐ-UBND ngày 28/3/2008 của UBND tỉnh về việc quy định phân phối, quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông do Chủ tịch, Trưởng Công an cấp xã xử phạt theo thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ Quyết định thi hành./. ✓

Nơi nhận: ✓

- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT và Ủy viên UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Bình Thuận;
- Đài Phát thanh Truyền hình;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu VT, NCPC, TH, Nghiễm Vi



Lê Tiên Phương

QUY ĐỊNH

**Về quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán
kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông do ngân sách
nhà nước cấp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47 /2014/QĐ-UBND
ngày 15/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)*

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng đối với việc quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông do ngân sách nhà nước cấp theo quy định tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và Thông tư số 137/2013/TT-BTC ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông; bao gồm: Sở Giao thông vận tải, Ban An toàn giao thông tỉnh, Ban An toàn giao thông các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các lực lượng của địa phương trực tiếp tham gia đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông

1. Kinh phí ngân sách nhà nước cấp từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước (nguồn điều tiết 30% số thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa cho ngân sách các cấp).

2. Các khoản hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

3. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung chi bảo đảm trật tự an toàn giao thông của địa phương

1. Chi xây dựng kế hoạch và biện pháp phối hợp các ban, ngành và chính quyền các cấp trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông và khắc phục ùn tắc giao thông.

2. Chi xây dựng các chương trình, đề án về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; nhân rộng các mô hình điểm về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

3. Chỉ tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

4. Chỉ công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc phối hợp hoạt động của các ngành, các tổ chức và các đoàn thể trong lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông và khắc phục ùn tắc giao thông trên địa bàn.

5. Chỉ khắc phục sự cố đảm bảo an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông.

6. Chỉ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

7. Chỉ khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động bảo đảm trật tự an toàn giao thông theo quy định của pháp luật.

8. Chỉ thăm hỏi gia đình nạn nhân bị thương nặng, chết trong các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng hoặc nạn nhân có hoàn cảnh khó khăn.

9. Chỉ hỗ trợ ban đầu cho cán bộ bị thương, tai nạn hoặc gia đình cán bộ hy sinh khi thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

10. Chỉ công tác phí, chi hội thảo, tập huấn, hội nghị sơ kết, tổng kết công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

11. Chỉ bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ theo quy định hiện hành.

12. Chỉ tổ chức đào tạo các nghiệp vụ về an toàn giao thông cho các đối tượng trực tiếp tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông của địa phương.

13. Chỉ bộ máy hoạt động của Ban an toàn giao thông các cấp.

14. Chỉ trả phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên của Ban an toàn giao thông các cấp; chi trả hợp đồng lao động phục vụ trực tiếp công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông các cấp.

15. Chỉ mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện, nhiên liệu phục vụ công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

16. Chỉ cho công tác phối hợp thu phạt an toàn giao thông trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố theo Quyết định của Chủ tịch UBND Tỉnh.

17. Chỉ đầu tư trang bị hạ tầng phục vụ cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông (lắp đặt các loại biển báo, biển chỉ chỉ dẫn về an toàn giao thông,...) theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

18. Chỉ khác trong lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông (nếu có).

Điều 5. Mức chi

1. Một số mức chi quy định như sau:

a) Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm như sau:

- Đối với Ban An toàn giao thông cấp tỉnh: Trưởng ban là 700.000 đồng/tháng; Phó Trưởng ban là 500.000 đồng/tháng; các thành viên Ban An toàn giao thông, cán bộ, nhân viên tham mưu giúp việc cho Ban An toàn giao thông là 300.000 đồng/tháng.

- Đối với Ban An toàn giao thông cấp huyện: Trưởng ban là 500.000 đồng/tháng; Phó Trưởng ban là 300.000 đồng/tháng; các thành viên Ban An toàn giao thông, cán bộ, nhân viên tham mưu giúp việc cho Ban An toàn giao thông là 200.000 đồng/tháng.

b) Chi bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ theo quy định tại Công văn số 4717/UBND-TH ngày 20/11/2013 của UBND tỉnh.

c) Chi đào tạo nghiệp vụ về an toàn giao thông theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính.

d) Chi công tác phí, hội nghị, tập huấn thực hiện theo quy định tại Quyết định số 48/2010/QĐ-UBND ngày 25/11/2010 của UBND tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

e) Mức chi khen thưởng theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 25/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thi đua khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thi đua khen thưởng.

g) Chi hỗ trợ ban đầu cho cán bộ bị thương, tai nạn hoặc gia đình cán bộ hy sinh khi thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2003/TT-BLĐTBXH ngày 18/4/2003 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội về việc hướng dẫn việc thực hiện chế độ bồi thường và trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp.

h) Trường hợp các văn bản áp dụng để thực hiện chế độ chính sách đảm bảo an toàn giao thông tại Điều 5 Quyết định này, nếu có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì được áp dụng theo quy định của văn bản mới.

2. Đối với nội dung chi chưa có mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, Ban An toàn giao thông tỉnh phối hợp Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức chi theo từng trường hợp cụ thể.

Điều 6. Lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông

Việc lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật; Quy định này hướng dẫn thêm một số nội dung sau:

1. Lập dự toán:

Hàng năm, căn cứ Chỉ thị của UBND tỉnh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước; Công văn hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của Sở Tài chính; tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, số thu phạt an toàn giao thông năm báo cáo; yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông năm kế hoạch; chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và mức chi quy định tại Điều 5 quy định này; các đơn vị lập dự toán kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông như sau:

a) Cấp tỉnh:

Sở Giao thông vận tải lập dự toán kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông (bao gồm cả kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông của Ban An toàn giao thông tỉnh) tối đa không quá số thu phạt an toàn giao thông được điều tiết ngân sách tỉnh, gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, để trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Cấp huyện, thị xã, thành phố:

Cơ quan chuyên môn giúp UBND huyện, thị xã, thành phố trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông lập dự toán kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông (bao gồm cả kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông của Ban An toàn giao thông huyện, thị xã, thành phố và kinh phí đảm bảo của xã, phường, thị trấn) tối đa không quá số thu phạt an toàn giao thông được điều tiết ngân sách huyện, thị xã, thành phố, gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch cùng cấp xem xét, tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, để trình Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

c) Cấp xã, phường, thị trấn:

UBND xã, phường, thị trấn lập dự toán kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông tối đa không quá số thu phạt an toàn giao thông được điều tiết ngân sách xã, phường, thị trấn, gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch và Ban An toàn giao thông huyện, thị xã, thành phố; đồng thời tổng hợp vào dự toán chi ngân sách hàng năm trình Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn theo quy định.

2. Quản lý, cấp phát và thanh toán:

Việc quản lý, cấp phát, thanh toán kinh phí sự nghiệp kinh tế bảo đảm trật tự an toàn giao thông thực hiện theo quy định tại Thông tư số 137/2013/TT-BTC ngày 7/10/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông do ngân sách nhà nước cấp và Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính về quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

3. Công tác quyết toán:

a) Các đơn vị được giao dự toán kinh phí sự nghiệp kinh tế bảo đảm trật tự an toàn giao thông có trách nhiệm quyết toán theo quy định.

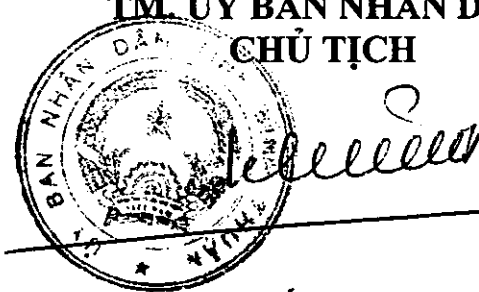
b) Việc xét duyệt và thẩm định báo cáo quyết toán theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra định kỳ, đột xuất các đơn vị về tình hình thực hiện nhiệm vụ và kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị có văn bản gửi về Sở Tài chính để tham mưu UBND tỉnh giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Tiến Phương